

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Vĩnh Mai

2. Ông Lê Văn Tập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích P – Sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 02 đường O, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Ông và bà Huỳnh Thị Bích P có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Hiện nay ông bà đã sống ly thân được hơn 01 năm. Mặc dù gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay, xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì mối quan

hệ hôn nhân. Nên ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Bích P có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N - sinh ngày 11/7/2018. Hiện nay cháu N đang sống với mẹ. Trong trường hợp bà P có nguyện vọng nuôi con thì ông đồng ý giao cháu N cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành. Trong trường hợp bà P không đồng ý mức cấp dưỡng thì ông đề nghị được nuôi con. Về phương thức cấp dưỡng ông Đ không đồng ý trả một lần tiền chi phí cấp dưỡng nuôi con, mà ông sẽ trả hàng tháng theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 30.000.000 đồng tiền cấp dưỡng từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2020 ông Đ chưa cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý sẽ đưa một lần cho bà P.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà P về việc ông phải trả lại số vàng cưới là 1,9 cây vàng thì theo ông Đ đây là tài sản chung phải chia đôi, bà P đã lấy một nửa, còn một nửa là ông cầm, nên việc bà P yêu cầu ông trả thì ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 07/7/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Bích P trình bày:

Ngày 07/3/2018 bà P có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn Đ tại Ủy ban nhân dân xã H trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng xích mích chuyện con cái hay ốm đau, vợ chồng chưa hiểu nhau và bà vẫn còn tình cảm với ông Đ, bà muốn hai vợ chồng chung sống để cùng nhau lo cho con cái sau này. Do đó ông Đ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà Phụng không đồng ý.

Trong thời gian bà P về nhà mẹ đẻ sinh sống ông Đ không chu cấp cho con. Trong khoảng thời gian một năm rưỡi bà yêu cầu ông Đ trả lại đầy đủ số tiền cấp dưỡng cho con trong vòng 01 năm đó.

Trong quá trình cưới bà có gửi lại vàng cưới cho bên chồng tức là ông Đ tổng số là 1,9 cây vàng. Đó là duyên con gái của bà vì vậy đề nghị ông Đ có trách nhiệm bồi hoàn lại đầy đủ cho bà số tiền vàng cưới này.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N - sinh ngày 11/7/2018, hiện cháu còn nhỏ đang ở với mẹ nếu Tòa giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của bà được chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng đề nghị ông Đ cấp dưỡng ít nhất 2.500.000 đồng/tháng đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành. Về phương thức cấp dưỡng bà yêu cầu trả 01 lần và đầy đủ cho bà đến năm bé N 18 tuổi hoặc chia 02 lần.

Về tài sản chung: Không có, bà chỉ yêu cầu trả lại tiền vàng cưới là 1,9 cây vàng. Bà P sẽ làm đơn khởi kiện đối với yêu cầu này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích P, địa chỉ hộ khẩu tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Bích P tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Bích P chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong tính cách, hay cãi vã nhau trong cuộc sống. Hiện 02 ông bà đã sống ly thân được hơn 01 năm.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng ông Đ và bà P chung sống, chính quyền địa phương xác nhận hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 05 năm 2019 thì bà P đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông Đ làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Bích P có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N - sinh ngày 11/7/2018. Hiện nay cháu N đang sống với mẹ. Bà Huỳnh Thị Bích P có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu tới tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà P về việc được nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung. Ông Đ đồng ý giao con chung cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Tuệ N - sinh ngày 11/7/2018 cho mẹ là bà Huỳnh Thị Bích P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Đối với chi phí cấp dưỡng từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 08 năm 2020 ông Nguyễn Văn Đ đồng ý tự nguyện cấp dưỡng 01 lần cho cháu N trong thời gian cháu N về ở với mẹ, với số tiền cấp dưỡng là 30.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về chi phí cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn Đ làm nghề kinh doanh nông sản thu nhập hàng tháng trung bình từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng. Ông Đ đồng ý tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng cho cháu N đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, mức cấp dưỡng dựa vào sự thỏa thuận của các đương sự, nếu không có thỏa thuận thì Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, dựa vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu của người được cấp dưỡng, thu nhập hàng tháng của ông Đ từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng, làm nghề kinh doanh nông sản, mức thu nhập không được ổn định, nên mức cấp dưỡng ông Đ đưa ra là phù hợp với thực tế và theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phương thức cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị Bích P yêu cầu ông Đ cấp dưỡng 01 lần hoặc chia làm 02 lần cho cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Đ không đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, phương thức cấp dưỡng là theo sự thỏa thuận của các đương sự. Nhu cầu thực tế ông Đ làm kinh doanh nông sản, thu nhập không được ổn định do đó khả năng chu cấp 01 lần hoặc chia đợt là khó thực hiện, mà cần chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn cấp dưỡng 01 tháng/ lần cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích P trình bày trong quá trình cưới bà có gửi lại vàng cưới cho bên chồng tức là ông Đ tổng số là 1,9 cây vàng. Đó là duyên con gái của bà đề nghị ông Đ có trách nhiệm bồi hoàn lại đầy đủ cho bà số tiền vàng cưới này. Tuy nhiên, Tòa án đã lập biên bản giải thích về quyền khởi kiện đối với yêu cầu này nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà bà P không làm đơn yêu cầu, do đó hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện lại thành một vụ án khác khi có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định, bị đơn bà Huỳnh Thị Bích P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ N - sinh ngày 11/7/2018 cho mẹ là bà Huỳnh Thị Bích P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho cháu Nguyễn Tuệ N từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 08 năm 2020.

Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tuệ N số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2020 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Từ Thế Anh H nộp thay Nguyễn Văn Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007825 ngày 11/5/2020 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi khấu trừ ông Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc